

Bản án số: 17/2019/DS-PT

Ngày: 22-02-2019.

Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Mai Thiện Kế.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Trần Hồng Diễm - Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa.

Trong các ngày 20 và ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền)*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2018/DS-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà M. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng(Có mặt).

Bị đơn: Bà N, Địa chỉ: ấp C1, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng(Có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn bà N.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ kiện được tóm tắt như sau:

* ***Nguyên đơn bà M trình bày:*** Vào ngày 20/12/2015 âm lịch, bà N có vay tiền của bà M hai lần, cụ thể: Lần thứ nhất vay 23.000.000 đồng, không làm biên nhận, không có người làm chứng. Lần thứ hai vay 45.000.000 đồng, có làm biên nhận viết tay, do bà M viết, bà N ký tên; bà N nói là bà tên “Lê Thị N”, nên bà M ghi giùm họ tên cho bà N; không có người làm chứng. Lãi suất thỏa thuận là 7%/tháng, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày vay tiền bà N sẽ trả vốn và lãi một lần. Nhưng đến thời hạn trả nợ, bà M đòi tiền thì bà N không trả và cũng không đóng lãi.

Khi phát sinh tranh chấp thì bà M mới biết bà N tên “Nguyễn Thị N”.

Bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà N trả cho bà M số tiền đã vay là 68.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất nhà nước quy định, từ ngày 20/12/2015 âm lịch cho đến ngày Tòa tuyên án sơ thẩm. Trong đơn yêu cầu ngày 27/9/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà M thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà N trả số tiền vay lần thứ nhất là 23.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/6/2016 đến khi bà N thanh toán xong nợ với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

* **Bị đơn bà N trình bày:** Vào ngày 20/02/2015 âm lịch, bà N có vay của bà M số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), lãi suất 30%/tháng, khi nào có tiền thì trả lại. Bà N trả lãi được ba lần là 9.000.000 đồng, nhưng không làm biên nhận, không có người làm chứng. Từ tháng 6 đến tháng 10 năm 2015 âm lịch bà N không có khả năng trả tiền lãi. Sau đó, bà M buộc bà N phải trả tiền vốn và tiền lãi tổng cộng là 23.000.000 đồng. Số tiền này bà vay để trị bệnh cho bà, chồng của bà không biết và không liên quan. Nay bà N đồng ý trả 23.000.000 đồng, nhưng xin trả 500.000 đồng/tháng, cho đến khi dứt nợ, không đồng ý trả tiền lãi, vì bà bị bệnh và hoàn cảnh của gia đình cũng rất khó khăn.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số: 30/2018/DS-ST ngày 31/10/2018 đã quyết định Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 474, khoản 2 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử.

1. Buộc bị đơn bà N phải trả cho nguyên đơn bà M tổng cộng số tiền là 35.013.768 đồng (ba mươi lăm triệu, không trăm mười ba nghìn, bảy trăm sáu mươi tám đồng), trong đó bao gồm:

Tiền vốn vay là 23.000.000 đồng (hai mươi ba triệu đồng).

Tiền lãi tính từ ngày 08/4/2015 đến ngày 31/10/2018 là 12.013.768 đồng (mười hai triệu, không trăm mười ba nghìn, bảy trăm sáu mươi tám đồng).

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn vay còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả tại giai đoạn thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 15/11/2018, bị đơn bà N có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M về việc buộc bà N trả số tiền 23.000.000 đồng, bà N không đồng ý trả thêm số tiền lãi 12.013.768 đồng

Tại phiên tòa phúc thẩm bà N thay đổi nội dung kháng cáo, theo bà N trình bày

thì bà chỉ thừa nhận có nợ tiền vốn vay của nguyên đơn là 10 triệu đồng, nay bà đồng ý trả tiền cho nguyên đơn 10 triệu đồng và đồng ý trả lãi theo lãi suất do Nhà nước quy định tính từ khi vay (ngày 20/02/2015 âm lịch tức ngày 08/4/2015 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 31/10/2018 và căn trừ vào số tiền lãi bà đã trả cho nguyên đơn được 9 triệu đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút lại yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn đồng thời căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo đơn kháng cáo ngày 15/11/2018 của bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là bà N thay đổi nội dung kháng cáo. Cụ thể theo đơn kháng cáo lập ngày 15/11/2018 bà N không đồng ý trả nguyên đơn số tiền vốn và lãi là 35.013.76 đồng, bà N yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M về việc buộc bà N trả số tiền 23.000.000 đồng và không tiếp tục tính lãi của số tiền 23.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm thì bà N thay đổi yêu cầu, bà đồng ý trả tiền vốn cho nguyên đơn 10 triệu đồng và trả lãi theo lãi suất do Nhà nước quy định tính từ khi vay (ngày 20/02/2015 âm lịch tức ngày 08/4/2015 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 31/10/2018 và căn trừ vào số tiền lãi bà đã đóng cho nguyên đơn là 9 triệu đồng. Xét thấy việc bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo là không vượt quá phạm vi kháng cáo nên căn cứ vào khoản 2 Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu thay đổi kháng cáo của bị đơn.

Về nội dung:

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà N về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng chỉ buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay là 10.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật trên số tiền vốn vay 10.000.000 đồng, nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cho rằng vào ngày 20/12/2015 (âm lịch) có cho bị đơn vay số tiền 23.000.000 đồng, nhưng nguyên đơn không cung cấp

được tài liệu chứng cứ để chứng minh về việc bị đơn có vay và đã nhận của nguyên đơn số tiền 23.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Ngược lại phía bị đơn bà N chỉ thừa nhận ngày 20/02/2015 (âm lịch) bà có vay của nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng. Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đồng ý trả số tiền 23.000.000 đồng cho nguyên đơn nhưng bị đơn cho rằng đây là số tiền vốn và lãi. Căn cứ vào sự thừa nhận của bị đơn xác định vào ngày 20/02/2015 (âm lịch) bị đơn bà N có vay của nguyên đơn bà M số tiền 10.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm căn cứ vào việc bị đơn đồng ý trả số tiền 23.000.000 đồng để xác định bị đơn nợ nguyên đơn số tiền vay 23.000.000 đồng là chưa đủ cơ sở và không xem xét hết lời trình bày của bị đơn nên việc bị đơn bà N kháng cáo đối với việc buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 23.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn bà N về việc yêu cầu được trả số tiền lãi trên số vốn vay 10.000.000 đồng theo lãi suất do Nhà nước quy định tính từ khi vay (ngày 20/02/2015 âm lịch tức ngày 08/4/2015 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 31/10/2018 và căn trừ vào số tiền lãi bà N đã đóng cho nguyên đơn là 9.000.000 đồng, thấy rằng: Việc vay số tiền 10.000.000 đồng, hai bên không làm biên nhận, nguyên đơn bà M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh được việc cho vay, thời gian vay và lãi suất cho vay do đó căn cứ theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005 thì việc tính lãi suất vay do các bên thoả thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng lãi suất không vượt quá 1,125%/tháng nên xác định mức lãi suất cho vay thời điểm này là 1,125%/tháng. Như vậy lãi của số tiền 10.000.000 đồng tính từ ngày 20/02/2015 âm lịch (tức ngày 08/4/2015 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 31/10/2018 là 3 năm 6 tháng 23 ngày thành tiền là 4.811.250 đồng. Theo bị đơn bà N cho rằng đã trả lãi cho nguyên đơn được 9.000.000 đồng nên yêu cầu được căn trừ vào tiền lãi, tuy nhiên việc bà N trả tiền lãi cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà N và căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, sửa bản án sơ thẩm.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà N không phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà N.

- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2018/DS-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M về việc buộc bị đơn bà N trả số tiền vốn 10.000.000 đồng và tiền lãi 4.811.250 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 14.811.250 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M về việc buộc bị đơn bà N trả số tiền vốn 13.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà M phải chịu số tiền là 650.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.700.000 đồng (một triệu, bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000094 ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng, bà M được nhận lại 1.050.000 đồng.

- Bị đơn bà N phải chịu số tiền là 740.562 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà N không phải chịu, hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0003527 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng(1);
- TAND huyện A (1);
- Chi cục THADS huyện A (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu HS-TDS(2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khánh Hùng